

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Bích Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

2. Bà **Khuru Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Tiểu My** -Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà C.M.X, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 5/24C, đường C.K, khóm x, phường y, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Ông L.T.T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 5/24C, đường C.K, khóm x, phường y, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

(Bà X và ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà C.M.X trình bày:

Về hôn nhân: Bà X và ông L.T.T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1994,

không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, khoảng 10 năm trở lại đây thì ông bà phát sinh mâu thuẫn do không còn phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho vợ con, lại còn ghen tuông, cho rằng bà không chung thủy và có mối quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên chửi bới và đánh đập. Mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng gay gắt và không thể hàn gắn được mặc dù đã được con cái và hai bên gia đình khuyên can nhưng không có kết quả. Bà và ông T cũng đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Xét thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà X và ông T chung sống có 04 con chung gồm: La Thùy D, sinh ngày 16/02/2004, La Anh K, sinh ngày 15/11/2001, La Đăng K, sinh ngày 18/01/1999 và La Nhật K, sinh ngày 13/12/1997. Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và tự lao động kiếm sống được nên bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông T chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông L.T.T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà C.M.X tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1994, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông bà không có mâu thuẫn gì gay gắt. Khoảng 04 năm trước, bà X với ông là do nợ nần nhiều nên phải đi xa để làm ăn trả nợ và bỏ đi Phú Quốc cho đến nay, thỉnh thoảng bà X có về nhà thăm con. Ông T xác định là giữa ông bà không có mâu thuẫn gì lớn nhưng xét thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông T và bà X chung sống có 04 con chung gồm: La Thùy D, sinh ngày 16/02/2004, La Anh K, sinh ngày 15/11/2001, La Đăng K, sinh ngày 18/01/1999 và La Nhật K, sinh ngày 13/12/1997. Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và tự lao động kiếm sống được nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà X chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà C.M.X và ông L.T.T là vợ chồng.

- Về con chung: Có 04 con chung gồm: La Thùy D, sinh ngày 16/02/2004, La Anh K, sinh ngày 15/11/2001, La Đăng K, sinh ngày 18/01/1999 và La Nhật K, sinh ngày 13/12/1997. Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và tự lao động kiếm sống được, ông T và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà C.M.X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bà C.M.X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L.T.T. Ông T có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bà C.M.X và ông L.T.T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà X và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà C.M.X và ông L.T.T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1994 là có xảy ra trên thực tế, được hai bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, bà X và ông T không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật, việc kết hôn không

được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà C.M.X và ông L.T.T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà X và ông T thống nhất xác định ông bà có 04 con chung gồm: La Thùy D, sinh ngày 16/02/2004, La Anh K, sinh ngày 15/11/2001, La Đăng K, sinh ngày 18/01/1999 và La Nhật K, sinh ngày 13/12/1997. Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và tự lao động kiếm sống được nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà C.M.X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C.M.X và ông L.T.T.

2. Về con chung: Có 04 con chung gồm: La Thùy D, sinh ngày 16/02/2004, La Anh K, sinh ngày 15/11/2001, La Đăng K, sinh ngày 18/01/1999 và La Nhật K, sinh ngày 13/12/1997. Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và tự lao động kiếm sống được, ông T và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà C.M.X phải chịu 300.000 đồng. Bà X đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007362 ngày 28/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Bích Ngọc